

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19-01-2026
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phước Tâm

Bà Nguyễn Thị Phụng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trọng Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 241/2025/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **06/2026/QĐXXST- HNGĐ** ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông P, bà T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Thành P trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 1992, ông Nguyễn Thành P và bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1972, nơi cư trú tổ B, ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp, quen biết nhau sau đó được cha mẹ hai bên thống nhất tổ chức lễ cưới cho vợ chồng, vợ chồng không đăng ký kết hôn. Lúc đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Xét về tình cảm không thể sống chung với

nhau nữa. Nay Ông Nguyễn Thành P yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Thanh T, yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông P với bà T.

- Về con chung: Vợ chồng có **02 con chung tên** Nguyễn Thị Trúc L sinh ngày 06/8/1995 và Nguyễn Thị Yến L1 sinh ngày 06/8/2004. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Theo lời khai tại Tòa án bị đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: bà T thừa nhận thời gian chung sống với nhau từ năm 1992, vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn như về kinh tế, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được. Nay bà T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông P. Yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông P với bà T.

- Về con chung: Vợ chồng có **02 con chung tên** Nguyễn Thị Trúc L sinh ngày 06/8/1995 và Nguyễn Thị Yến L1 sinh ngày 06/8/2004. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

- Về nợ chung: Thống nhất là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

Ông Nguyễn Thành P cung cấp cho Tòa án chứng cứ gồm:

- Căn cước công dân Nguyễn Thành P (bản photo);
- Căn cước công dân Nguyễn Thị Yến L1 (bản photo);
- Căn cước công dân Nguyễn Thị Trúc L (bản photo);

Bà Lê Thị Thanh T cung cấp cho Tòa án:

- Căn cước công dân Lê Thị Thanh T (Bản photo).

Các tài liệu trong hồ sơ có trong hồ sơ đã được công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời khai tại Tòa án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành P yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Thanh T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện đang cư trú tại xã M, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp, theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về tố tụng, xét thấy: Nguyên đơn ông P, bị đơn bà T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung, xét thấy:

[4.1]. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thành P yêu cầu được ly hôn và yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Lê Thị Thanh T

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông P và bà T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn và thừa nhận hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Mặc dù, việc sống chung của ông P và bà T đều được hai bên thừa nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Do đó, không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “...*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Vì vậy, không công nhận ông Nguyễn Thành P và bà Lê Thị Thanh T là vợ chồng.

[4.2]. Về con chung: Ông P và bà T thừa nhận có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L sinh ngày 06/8/1995 và Nguyễn Thị Yến L1 sinh ngày 06/8/2004. Hiện tại các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3]. Về tài sản chung: Ông P và bà T trình bày thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4.4]. Về nợ chung: Ông P và bà T trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ chung.

[5]. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Ông Nguyễn Thành P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp 300.000 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010438 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Thành P và bà Lê Thị Thanh T là vợ chồng.

- Về con chung: Con chung tên Nguyễn Thị Trúc L sinh ngày 06/8/1995 và Nguyễn Thị Yến L1 sinh ngày 06/8/2004. Hiện đã trưởng thành nên ông P và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: **Tự thỏa thuận**, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Thành P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp 300.000 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010438 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9;
- Toà án Tỉnh;
- THADS Tỉnh Đồng Tháp
- UBND xã Mỹ Hiệp;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa